

DỰ KIẾN NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020*(Kèm theo Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020	
I	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; không kể tăng thu các khoản sau: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện 2019 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2019	
2	50% giảm thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; không kể tăng thu các khoản sau: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trong lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện 2019 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2019	
3	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản	

	tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) dự toán 2020 so dự toán 2019 Thủ tướng Chính phủ giao	
4	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán 2019 so dự toán 2018 Thủ tướng Chính phủ giao	
5	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán 2018 so dự toán 2017 Thủ tướng Chính phủ giao	
6	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017	
7	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán tăng thêm năm 2020 so với năm 2017 theo Quyết định giao dự toán năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
8	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2020:	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo (1):	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên:	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
8	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18, 19 năm 2020	
	+ Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy	
	+ Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị	
	+ Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp	
	+ Từ việc sát nhập các xã không đủ điều kiện tiêu chuẩn	
9	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng hết chuyển sang 2020	
10	Nguồn BSCMT giao dự toán năm 2020 để thực hiện CCTL (nếu có)	
II TỔNG NHU CẦU CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020		
1	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đủ 12 tháng	
2	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP, tính đủ 12 tháng	
3	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP, tính đủ 12 tháng	

4	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:	
-	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBKk năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đủ 12 tháng	
-	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014	
-	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2020 theo NĐ số 26/2014/NĐ-CP ngày 09/3/2015	
-	Kinh phí giảm do điều chỉnh danh sách huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (quy định tại điểm b khoản 2 Công văn số 1044/BNV-TL ngày 11/3/2019 của Bộ Nội vụ)	
	<i>Kinh phí thu hút</i>	
	<i>Kinh phí ưu đãi</i>	
-	Kinh phí giảm do điều chỉnh mức khoán đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ	
III	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ.	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	
B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2020	
C	PHẦN NSTW HỖ TRỢ TỐI ĐA THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI	
D	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ ĐỂ CHI TRẢ THAY PHẦN NSTW HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (2)	
E	NGUỒN NSDP ĐẢM BẢO TỪ NGUỒN CCTL CÒN DƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SAU KHI ĐÃ SỬ DỤNG 50% NGUỒN DỰ PHÒNG NSDP, 70% QUỸ DTTC	
F	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ (III.2 - C.D)	

Ghi chú:

(1) $C = B \times \text{tỷ lệ (\%)} \text{ NSTW hỗ trợ tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ}$

(2) Bảng C trường hợp III.2>C; bảng III.2 trường hợp III.2<C

....., ngày.....tháng.....năm.....
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 71/2020/TT-BTC